



Thành viên hãng Kiểm toán MGI Quốc tế

**CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG
BỘ QUẢNG NINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
Đã được kiểm toán

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM - TẠI QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 16 - Tổ 4 - Khu 4 - Phường Giếng Đáy - TP. Hạ Long - Quảng Ninh
Điện thoại: 0903 456 439 *Fax: 033.3822 030 *Website: kiemtoanava.com.vn

**CÔNG TY TNHH 1TV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG
BỘ QUẢNG NINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
Đã được kiểm toán

NỘI DUNG

CÔNG T	Trang
Công ty	
Giấy	
ngày 0	
Theo	
ngày 0	
Báo cáo của Ban Giám đốc	3-4
Báo cáo Kiểm toán	5-6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12-23

CÁC SỰ

Không
trên B

BAN

Các

KIỂM

Báo

nhân

Chức

niên

CÔNG

Ban

hoạt

Giám



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH ITV đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty TNHH ITV đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Quảng Ninh là một doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700222222 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 08 năm 2011.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700222222 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 06 tháng 10 năm 1998, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường Vũ văn Hiếu, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông: Nguyễn văn Đắc	Tổng giám đốc
Ông: Đồng Xuân Thuận	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam tại Quảng Ninh (AVA) - đơn vị đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành và kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

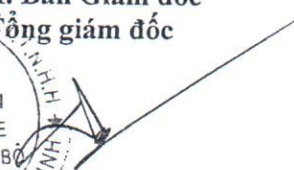
CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ QUẢNG NINH
Đường Vũ Văn Hiếu – P. Hà Phong- T.P Hạ Long - Quảng Ninh

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

TM. Ban Giám đốc
Tổng giám đốc

Nguyễn Văn Đắc



**CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM TẠI QUẢNG NINH**

Số: *032*/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
của Công ty TNHH ITV đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Quảng Ninh*

Kính gửi:

Ban Giám đốc

Công ty TNHH ITV đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH ITV đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Quảng Ninh được lập ngày 31/03/2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 được trình bày từ trang 7 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho cuối năm của Công ty vì chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của khoản mục này tại ngày 31/12/2013 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.
- Vốn điều lệ của Công ty chưa điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sổ sách kế toán theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh.



Theo ý kiến của chúng tôi ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH 1TV đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Quảng Ninh, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM
ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM TẠI QUẢNG NINH (AVA)

Giám đốc



Dương Thành Tuấn
Giấy chứng nhận ĐKHNKT
Số: 0551/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Hải
Giấy chứng nhận ĐKHNKT
Số: 1218/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.287.806.098	815.057.219
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.187.696.944	658.487.080
111	1. Tiền	1	2.187.696.944	658.487.080
112	2. Các khoản tương đương tiền	2	-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn	3	-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.033.785	62.250.321
131	1. Phải thu khách hàng		4.092.370	23.130.000
132	2. Trả trước cho người bán		-	27.069.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	4	3.941.415	12.051.321
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	5	49.802.512	51.613.091
141	1. Hàng tồn kho		49.802.512	51.613.091
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.272.857	42.706.727
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	42.706.727
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		42.272.857	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu TP		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.875.091.934	6.180.639.968
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		6.438.296.471	6.048.865.926
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	6.404.237.587	6.014.807.042
222	- Nguyên giá		17.042.518.085	16.153.273.903
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.638.280.498)	(10.138.466.861)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	34.058.884	34.058.884
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8	-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		436.795.463	131.774.042
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		436.795.463	131.774.042
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.162.898.032	6.995.697.187

GIÁ TÍNH
NG NINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.370.424.821	2.486.130.928
310	I. Nợ ngắn hạn		2.767.661.392	1.225.367.499
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	9	-	-
312	2. Phải trả người bán		299.610.686	46.769.510
313	3. Người mua trả tiền trước		4.577.978	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	360.553.327	272.718.736
315	5. Phải trả người lao động		1.462.994.205	328.209.745
316	6. Chi phí phải trả	11	1	1
317	7. Phải trả nội bộ		122.123.661	84.639.210
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	7.748.463	15.797.107
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		510.053.071	477.233.190
327	12. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu CP		-	-
330	II. Nợ dài hạn		602.763.429	1.260.763.429
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	13	602.763.429	1.260.763.429
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.792.473.211	4.509.566.259
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	5.792.473.211	4.509.566.259
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.680.489.786	3.680.489.786
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.322.027.273	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		318.506.688	318.506.688
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		471.449.464	510.569.785
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.162.898.032	6.995.697.187



CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
	4. Nợ khó đòi đã xử lý		39.120.321	-
	5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập

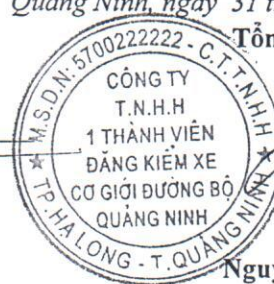
Kế toán trưởng

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tổng giám đốc

Đồng xuân Thuận

Nguyễn Văn Đắc



174-00
NHÂN
TY TN
TOÁN
ĐỊNH
NAM T
NG NIN
- T. Q

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	9.166.597.038	6.227.969.470
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	9.166.597.038	6.227.969.470
11	4. Giá vốn hàng bán	17	5.116.076.529	3.809.753.956
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.050.520.509	2.418.215.514
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	15.203.754	11.825.714
22	7. Chi phí tài chính	19	137.206.701	281.987.868
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		137.206.701	281.987.868
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.976.849.850	1.539.252.452
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		951.667.712	608.800.908
31	11. Thu nhập khác		-	159.750.641
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	159.750.641
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		951.667.712	768.551.549
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	214.125.235	134.496.521
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		737.542.477	634.055.028
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			

Người lập

Kế toán trưởng

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đồng giám đốc

Đồng xuân Thuận

Nguyễn văn Đắc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Đơn vị tính: VND
1.000.000.000
đến 31/12/2012

Mã số	Chi tiêu	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	đến 31/12/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	12.345.443.607	8.871.740.000
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(2.387.725.516)	(1.666.770.610)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(3.024.092.888)	(3.049.188.717)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(137.206.701)	(281.987.867)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(369.581.396)	(11.812.200)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	296.599.761.905	5.232.725.500
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(300.651.043.966)	(7.767.630.322)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.375.555.045	1.327.075.784
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(203.548.935)	(709.512.206)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	15.203.754	11.825.714
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(188.345.181)	(697.686.492)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(658.000.000)	(658.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(658.000.000)	(658.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.529.209.864	(28.610.708)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	658.487.080	687.097.788
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2.187.696.944	658.487.080

Người lập

Kế toán trưởng

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tổng giám đốc

Đồng xuân Thuận

Nguyễn Văn Đắc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/12/2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH 1TV đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Quảng Ninh do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700222222 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 06 tháng 10 năm 1998, đăng kí sửa đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường Vũ Văn Hiếu, Phường Hà Phong, TP Hạ Long Quảng Ninh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700222222 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 06 tháng 10 năm 1998, đăng kí sửa đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 08 năm 2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán : Chứng từ ghi sổ

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại tại ngày giao dịch.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước, xuất trước

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thương xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn: không trích lập dự phòng

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ năm 2013 của Công ty được thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là GIÁ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn Phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo Phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “ Chi phí đi vay ”. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính như chi phí thực hiện các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu....



Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo thông tư số 220/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- + Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- + Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- + Chi phí cho vay và đi vay vốn
- + Các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán



Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

14-00
NHÀ
TY TN
M TOÁ
M ĐIN
T NAM
ANG NI
G - T - C

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCĐKT VÀ BÁO CÁO KQHĐKD

TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	247.932.440	134.830.124
Tiền gửi ngân hàng	1.939.764.504	523.656.956
Tiền đang chuyển	-	-

Cộng

ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-

Cộng

CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác (*)	-	-
Phải trả, phải nộp khác (Dư nợ)	801.955	12.051.321
Phải thu Bảo hiểm y tế của người lao động	-	-

Cộng

HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	49.802.512	51.613.091
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	-
Cộng	49.802.512	51.613.091

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

ANG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
đầu tại 01/01/2013	9.823.339.958	4.606.774.996	1.457.884.377	265.274.572	16.153.273.903
tăng trong kỳ	1.395.689.408	91.894.545	3.043.205	-	1.490.627.158
Mua trong kỳ		91.894.545		-	91.894.545
Đầu tư XD CB h. thành	1.395.689.408			-	1.395.689.408
Chuyển sang BĐS đầu tư					-
Tăng khác			3.043.205		3.043.205
giảm trong kỳ	(83.631.442)	-299.976.962	-	(217.774.572)	(601.382.976)
Thanh lý, nhượng bán		(171.633.840)		(80.427.273)	(252.061.113)
Giảm do đ/c nhóm TS	(3.043.205)				(3.043.205)
Giảm khác (chuyển CC)	(80.588.237)	(128.343.122)		(137.347.299)	(346.278.658)
đầu tại 31/12/2013	11.135.397.924	4.398.692.579	1.460.927.582	47.500.000	17.042.518.085
Giá trị hao mòn lũy kế					
đầu tại 01/01/2013	5.856.010.084	3.033.071.068	1.049.952.669	199.433.040	10.138.466.861
tăng trong kỳ	617.327.150	345.818.776	66.189.433	27.428.417	1.056.763.776
Thấu hao trong kỳ	617.327.150	345.818.776	65.373.461	27.428.416	1.055.947.803
Tăng khác			815.972	1	815.973
giảm trong kỳ	(68.671.293)	(292.796.757)	-	(195.482.089)	(556.950.139)
Giảm do đ/c nhóm TS				(815.972)	(815.972)
Thanh lý, nhượng bán		(171.633.840)		(80.427.273)	(252.061.113)
Giảm khác (chuyển CCDC)	(68.671.293)	(121.162.917)		(114.238.844)	(304.073.054)
đầu tại 31/12/2013	6.404.665.941	3.086.093.087	1.116.142.102	31.379.368	10.638.280.498
Giá trị còn lại					
ngày 01/01/2013	3.967.329.874	1.573.703.928	407.931.708	65.841.532	6.014.807.042
ngày 31/12/2013	4.730.731.983	1.312.599.492	344.785.480	16.120.632	6.404.237.587

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:
Cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
Thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

ANG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
đầu năm	-	-	-	-	-
tăng trong năm	-	-	-	-	-
giảm trong năm	-	-	-	-	-
Giá trị TSCĐ thuê TC	-	-	-	-	-
khác	-	-	-	-	-
đầu cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					

- Khấu hao trong năm

Số giảm trong năm

Số dư cuối năm

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm

Tại ngày cuối năm

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Cộng

Nguyên giá

Số dư tại ngày 01/01/2013

Số tăng trong kỳ

Số giảm trong kỳ

Số dư tại ngày 31/12/2013

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư tại ngày 01/01/2013

Số tăng trong kỳ

Số giảm trong kỳ

Số dư tại ngày 31/12/2013

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2013

Tại ngày 31/12/2013

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm tài sản cố định

Trong đó:

Mở rộng trạm ĐK ô tô Hà Phong (GD 2) và cải tạo TT U

31/12/2013

VND

01/01/2013

VND

34.058.884

34.058.884

Cộng

34.058.884

34.058.884

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ

Giá trị thương hiệu

Chi phí trả trước dài hạn khác

Cộng

31/12/2013

VND

436.795.463

01/01/2013

VND

131.774.042

436.795.463

131.774.042

074-00

NHÂN

TÝ T

TOÁ

M ĐỊNH

NAM T

NG NIN

T. Q

9 VAY NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	-	-
Cộng	-	-

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	85.209.382	29.744.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.066.445	181.522.606
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Cộng	360.553.327	272.718.736

Công ty có nghĩa vụ phải nộp những khoản thuế sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế 6 tháng đầu năm và 20% cho 6 tháng cuối năm.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam.
- Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
Trích trước chi phí vận chuyển		
Chi phí phải trả của các dự án		
Lãi vay phải trả		
Trích trước chi phí nghiệm thu		
Chi phí phải trả khác	1	1
Cộng	1	1

12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	6.822.059	8.656.283
Bảo hiểm xã hội	-	6.654.640
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	926.404	486.184
Phải trả, phải nộp khác (*)	-	-
Phải thu khác (Dư Có)	-	-
Cộng	7.748.463	15.797.107

9 VAY NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	-	-
Cộng	-	-

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	85.209.382	29.744.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.066.445	181.522.606
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Cộng	360.553.327	272.718.736

Công ty có nghĩa vụ phải nộp những khoản thuế sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế 6 tháng đầu năm và 20% cho 6 tháng cuối năm.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam.
- Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
Trích trước chi phí vận chuyển		
Chi phí phải trả của các dự án		
Lãi vay phải trả		
Trích trước chi phí nghiệm thu		
Chi phí phải trả khác	1	1
Cộng	1	1

12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	6.822.059	8.656.283
Bảo hiểm xã hội	-	6.654.640
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	926.404	486.184
Phải trả, phải nộp khác (*)	-	-
Phải thu khác (Dư Có)	-	-
Cộng	7.748.463	15.797.107

TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi		
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản		
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.680.489.786		318.506.688	510.569.785		4.509.566.259
Tăng vốn trong năm trước	-	0	-	-	0	-
Lãi trong năm trước						-
Điều chỉnh XĐGTDN						-
Tăng khác	-					-
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Trích quỹ						-
Phân phối lợi nhuận						-
Giảm khác						0
Số dư cuối năm trước	3.680.489.786	0	318.506.688	510.569.785	0	4.509.566.259
Tăng vốn trong kỳ này	-	1.322.027.273	-	-		-
Lãi trong kỳ này					737.542.477	-
Tăng vốn						-
Tăng khác		1.322.027.273		-		-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	(39.120.321)		-
Lỗ trong năm nay						-
PP lợi nhuận					(737.542.477)	-
Giảm khác (*)				(39.120.321)		-
Số dư cuối kỳ này	3.680.489.786	1.322.027.273	318.506.688	471.449.464	-	5.792.473.211

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	%	01/01/2013	%
Vốn góp của Nhà nước	3.680.489.786	100%	3.680.489.786	100%
Cộng	3.680.489.786	100%	3.680.489.786	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2013	01/01/2013
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	3.680.489.786	3.680.489.786
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	3.680.489.786	3.680.489.786

15 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.166.597.038	6.227.969.470
Cộng	9.166.597.038	6.227.969.470

16 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	-	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.166.597.038	6.227.969.470
Cộng	9.166.597.038	6.227.969.470

17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	-	-
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	5.116.076.529	3.809.753.956
Cộng	5.116.076.529	3.809.753.956

18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.203.754	11.825.714
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	15.203.754	11.825.714

19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	137.206.701	281.987.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		-
Cộng	137.206.701	281.987.868

20 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	214.125.235	134.496.521
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi		
Cộng	214.125.235	134.496.521

CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn

Cộng	-	-

CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Chi phí nguyên vật liệu	838.373.813	440.585.808
Chi phí nhân công	5.006.428.752	3.188.299.881
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.058.525.837	989.598.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	953.095.379	691.522.366
Chi phí khác bằng tiền	376.287.332	320.987.868
Cộng	8.232.711.113	5.630.994.276

24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	737.542.477	634.055.028
Cổ phần lưu hành bình quân trong năm		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí khác bằng tiền		
Cộng	737.542.477	634.055.028

CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

1/01/2013 đến 31/12/2013 VND 112 đến 31/12/2012 VND

Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ

Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện

21 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Thông tin về các bên liên quan

Thông tin liên quan

Số liệu so sánh

Người lập

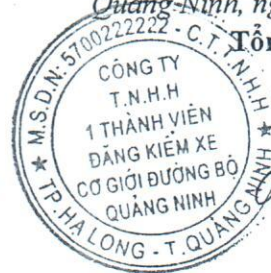
Kế toán trưởng



Đồng xuân Thuần

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tổng giám đốc



Nguyễn văn Đắc

